

Số: 15.7/QĐ-THDL

Đăng Lâm, ngày 08 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai kế hoạch công tác tài chính năm học 2024 – 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐĂNG LÂM

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/4/2024 thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/20252 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Công văn số 3417/VP-VX ngày 23/5/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo năm học 2024- 2025;

Công văn số 1958/UBND-TCKH ngày 09/08/2024 của UBND quận Hải An về việc hướng dẫn thu chi tài chính trong các nhà trường năm học 2024-2025;

Xét đề nghị của kế toán nhà trường, các đoàn thể trong nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kế hoạch công tác tài chính năm học 2024 - 2025

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu, bộ phận kế toán tài chính và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu :VT



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thúy Hải

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai kế hoạch công tác tài chính năm học 2024 - 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thực hiện công văn số 551/SGDDĐT-TTr ngày 17/3/2022 hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng;

Hôm nay vào lúc 8h00, ngày 08 tháng 10 năm 2024 trường Tiểu Học Đăng Lâm tiến niêm yết công khai kế hoạch công tác tài chính năm học 2024 - 2025 như sau:

1. Thành phần:

- | | |
|-------------------------|---------------------------------|
| 1. Bà Phạm Thị Thúy Hải | - Hiệu trưởng |
| 2. Bà Trần Thị Ngọc Lan | - Phó hiệu trưởng |
| 3. Bà Mai Thị Thanh Tâm | - Phó hiệu trưởng |
| 4. Bà Lê Thị Hằng Nga | - Chủ tịch công đoàn |
| 5. Bà Bùi Thị Mỹ Bình | - Trưởng ban Thanh tra nhân dân |
| 6. Bà Dương Minh Nguyệt | - Kế toán - Thư ký |
| 7. Bà Lê Thị Thùy Dương | - Thủ quỹ |

2. Nội dung

2.1 Tổ chức niêm yết công khai kế hoạch công tác tài chính năm học 2024 - 2025 gồm có:

Kế hoạch công tác tài chính năm học 2024 - 2025

2.2 Địa điểm niêm yết

Tại bảng tin nhà trường

2.3 Thời gian

Thời gian bắt đầu niêm yết: Ngày 08 tháng 10 năm 2024

Thời điểm kết thúc niêm yết: Ngày 04 tháng 11 năm 2024

2.4 Nơi tiếp nhận phản hồi

Phòng tiếp dân trường tiểu học Đăng Lâm. SĐT: 0225 3729071

Đăng Lâm, ngày 08 tháng 10 năm 2024

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Mai Thị Thanh Tâm

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Ngọc Lan

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Thúy Hải

**TB. THANH TRA
NHÂN DÂN**



Bùi Thị Mỹ Bình

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Lê Thị Hằng Nga

THỦ QUỲ



Lê Thị Thùy Dương

KẾ TOÁN – THƯ KÝ



Dương Minh Nguyệt

KẾ HOẠCH
CÔNG TÁC TÀI CHÍNH
Năm học 2024 - 2025

A. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Thông tư số 36/2017/TT-BGDDT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được Nhà nước hỗ trợ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;;

Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND thành phố Hải Phòng về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 21/4/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thực hiện Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng quản lý; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND của HĐND thành phố Hải Phòng về việc sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các

dịch vụ hỗ trợ hoạt động GDĐT đối với CSGD CL trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/4/2024 thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/20252 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 3/8/2018 của Bộ GD&ĐT quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Công văn số 6341/UBND-VX ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Công văn số 1648/UBND-GDĐT của Ủy ban nhân dân quận Hải An về việc thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 3/8/2018 của Bộ GD&ĐT quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Công văn số 3417/VP-VX ngày 23/5/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo năm học 2024- 2025;

Công văn số 1044/HDLS-GDDT-STC ngày 19/08/2024 của UBND thành phố Hải Phòng về việc hướng dẫn liên sở thực hiện thu và sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024-2025;

Công văn số 1958/UBND-TCKH ngày 09/08/2024 của UBND quận Hải An về việc hướng dẫn thu chi tài chính trong các nhà trường năm học 2024-2025;

Công văn số 573/BHXXH-THU ngày 5/8/2024 của Bảo hiểm xã hội quận Hải An về việc triển khai công tác thu BHYT học sinh, sinh viên năm học 2024 – 2025;

Công văn số 210/GDDT ngày 24/09/2024 của Phòng giáo dục và đào tạo về việc tăng cường công tác quản lý các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025;

Căn cứ vào tình hình thực tế trường Đăng Lâm, bộ phận Tài chính trường Tiểu học Đăng Lâm xây dựng kế hoạch tài chính năm học 2024-2025 như sau:

B. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM:

1. Đảm bảo chế độ chính sách đối với cán bộ giáo viên, hợp đồng lao động.
2. Thực hiện công tác cải cách hành chính tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện đúng Luật kế toán thống kê trong quá trình chi tiêu, quản lý hồ sơ, lưu trữ chứng từ thu, chi ngân sách và ngoài ngân sách.
3. Quản lý tốt tài chính, tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường. Thực hiện việc đầu tư, tu bổ cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động giáo dục, tăng cường làm

tốt công tác vận động tài trợ giáo dục với tinh thần Nhà nước và nhân dân cùng làm để xây dựng nhà trường xanh, sạch, đẹp, ngày càng phát triển với quy mô trường chuẩn quốc gia, trường học hiện đại, thân thiện đáp ứng yêu cầu phát triển thời đại công nghệ số của thành phố.

4. Nâng cao chất lượng phục vụ chăm sóc bán trú, quản lý nguồn thu, chi chăm sóc bán trú đúng quy định.

C. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động

- Cán bộ giáo viên, nhân viên biên chế hưởng lương, phụ cấp theo ngạch bậc từ nguồn Ngân sách. Thực hiện chế độ nâng bậc lương định kỳ, trước thời hạn đảm bảo kịp thời, đúng chế độ.

- Thực hiện việc ký hợp đồng lao động đối với giáo viên, nhân viên hợp đồng khi có thông báo của UBND Quận Hải An về duyệt chỉ tiêu hợp đồng lao động cho năm học mới.

- Trả lương hợp đồng từ nguồn Ngân sách theo chỉ tiêu được duyệt và từ các nguồn thu sự nghiệp khác.

- Giáo viên, nhân viên hợp đồng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn: trả lương theo thỏa thuận hợp đồng lao động và các quy định của pháp luật và được đóng bảo hiểm theo quy định, được tham gia tổ chức công đoàn, thi đua khen thưởng.

- Giáo viên, nhân viên hợp đồng được hưởng các quyền lợi: được nghỉ ngày Lễ, Tết, được tham gia công đoàn, thi đua khen thưởng.

- Trả lương và các khoản khác cho cá nhân hàng tháng qua tài khoản ngân hàng đúng, đủ, kịp thời.

2. Thực hiện tiết kiệm, chống tham nhũng lãng phí. Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế toán thống kê.

- Để hoàn thành tốt nhiệm vụ tài chính năm học 2024-2025, bộ phận tài chính thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu kết hợp với các tổ khối chuyên môn tiến hành triển khai công việc cụ thể:

+ Xây dựng kế hoạch tài chính năm học 2024 - 2025

+ Tham gia Hội nghị các cấp trong nhà trường, họp Ban đại diện cha mẹ học sinh.

+ Lập tờ trình báo cáo các cấp có thẩm quyền.

+ Mở các loại hồ sơ, sổ sách theo quy định.

+ Thực hiện thu - chi theo đúng quy định và được kiểm soát qua Kho bạc, đảm bảo thu chi tiết kiệm, hiệu quả..

+ Triển khai các hoạt động giao dịch với KBNN, 100% qua hệ thống DVC nhằm tiết kiệm thời gian, thích ứng với công tác quản lý quản lý giao dịch điện tử, nâng cao hiệu quả công tác cho cán bộ CCVC.

+ Thực hiện chế độ báo cáo quyết toán và công khai tài chính theo đúng quy định.

- Bổ sung phụ lục quy chế chi tiêu nội bộ khi có thay đổi.

3. Quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Ứng dụng CNTT, sử dụng phần mềm kế toán Misa, DVC trong quản lý tài chính, tài sản.

- Công khai tài chính theo kỳ, theo năm học.

- Lập sổ tài sản, công cụ dụng cụ. Kiểm kê tài sản, thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ đã hỏng định kỳ.

- Lập kế hoạch mua sắm tài sản hàng năm.

- Kiểm tra, rà soát cơ sở vật chất, lên kế hoạch bổ sung, sửa chữa mua sắm cụ thể.

- Thực hiện đúng quy trình mua sắm.

- Tham mưu, đóng góp ý kiến với Ban Giám hiệu, phối hợp với các tổ khối chuyên môn lập dự trù và chuẩn bị kinh phí khi có tổ chức các chuyên đề, hội thảo, hội thi các cấp.... đảm bảo đúng nguyên tắc tài chính, mang lại hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Quản lý nguồn thu bán trú, phục vụ chăm nuôi bán trú

- Tổ chức kí hợp đồng với nhà cung cấp đảm bảo về hồ sơ năng lực và chất lượng thực phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Mở sổ sách, hồ sơ theo dõi công tác bán trú khoa học, chính xác, công khai.

- Đảm bảo việc chi trả tiền công nhân viên nấu ăn, giáo viên trông trưa và bổ sung mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tốt công tác chăm sóc bán trú của nhà trường.

- Mua sắm đầy đủ đồ dùng, dụng cụ phục vụ tốt công tác bán trú.

- Đảm bảo tốt chất lượng khẩu phần, dinh dưỡng các bữa ăn cho học sinh.

D. KẾ HOẠCH THU CHI:

I. KẾ HOẠCH THU:

1. Các khoản thu theo văn bản quy định

a. Thu theo văn bản quy định

ĐVT: Đồng

STT	Nguồn quỹ	Mức thu 1hs/tháng (năm)	Số học sinh	Tổng thu	Miễn Giảm, thất thu (số học sinh)	Thực thu	Công văn hướng dẫn thu
				(nghìn đồng)		(Nghìn đồng)	
1	BHYT	Thu theo quy định của BHXH	2155	1.983.167.550	0	1.983.167.550	Theo CV 573/BHXH-THU của BHXH Hải An

b. Thu theo Nghị quyết 02/2022/NQ – HĐND và nghị quyết 08/2022/NQ-HĐND.

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục các khoản thu	Mức thu 1 học sinh	Số học sinh	Tổng thu (9 tháng)	Số học sinh miễn giảm	Thất thu	Thực thu	Công văn hướng dẫn thu
1	Tiền ăn (đã bao gồm chất đốt)	30.000 đ/ngày	2082	12.367.080.000			12.367.080.000	Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024
a	Tiền ăn	28.000 đ/ngày	2082	11.542.608.000			11.542.608.000	
b	Chất đốt	2.000 đ/ngày	2082	824.472.000			824.472.000	
2	Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú (mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân)		2056	466.880.000	29	6.000.000	460.880.000	Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024
a	Đối với học sinh mới tuyển hoặc trang bị lần đầu - Khối 1	360.000 đ/năm	449	161.640.000	4	1.440.000	160.200.000	
b	Khối 2,3,4	200.000 đ/năm	1203	240.600.000	14	2.800.000	237.800.000	
c	Khối 5	160.000 đ/năm	404	64.640.000	11	1.760.000	62.880.000	
3	Chăm sóc bán trú:			2.698.110.000			2.698.110.000	Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024
a	Học sinh khối 1,2,3,4	150.000 đ/tháng	1673	2.258.550.000			2.258.550.000	
b	Học sinh khối 5	120.000 đ/tháng	407	439.560.000			439.560.000	
4	Quản lý trẻ/học sinh ngoài giờ hành chính (đầu giờ học và sau khi kết thúc buổi học khi cha mẹ học sinh, trẻ em có nhu cầu tối đa không quá 03 giờ/ngày	10.000 đ/giờ	2323	4.708.350.000	29	55.710.000	4.652.640.000	Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024
a	Học sinh khối 1,2,3,4	240.000 đ/tháng	1832	3.957.120.000	18	38880000	3.918.240.000	

b	Học sinh khối 5	170.000 đ/tháng	491	751.230.000	11	16830000	734.400.000	
5	Dạy học 2 buổi/ngày đối với học sinh tiểu học (hỗ trợ mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, điện nước)		2408	610.956.000	29	7.236.000	603.720.000	Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024
a	Khối 1,2,3,4	30.000 đ/tháng	1854	500.580.000	18	4860000	495.720.000	
b	Khối 5	24.000 đ/tháng	511	110.376.000	11	2376000	108.000.000	
6	Tiếng Anh có yếu tố nước ngoài	150.000 đ/tháng	2255	2.706.000.000	29	34.800.000	2.671.200.000	Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024
7	Kỹ năng sống	50.000 đ/tháng	2283	913.200.000	29	11.600.000	901.600.000	Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024
8	Nước uống học sinh	10.000 đ/tháng	2394	215.460.000			215.460.000	Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024
9	Trông xe đạp cho học sinh	30.000 đ/tháng	330	89.100.000			89.100.000	Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024
	Cộng			24.775.136.000		115.346.000	24.659.790.000	

II. Kế hoạch chi:

ĐVT: Đồng

STT	Danh mục các khoản chi	Dự kiến chi năm học 2024 - 2025	Kinh phí được sử dụng		Công văn hướng dẫn
			Nội dung	Số tiền	
1	BHYT học sinh	1.983.167.550		1.983.167.550	CV số 573/BHXXH-THU BHXH quận Hải An
1.1	98.2% nộp BHXH để mua thẻ BHYT cho HS	1.947.470.534	Mua BHYT cho học sinh	1.947.470.534	
1.2	1,8% Thù lao BHYT học sinh	35.697.016	Chi thù lao BHYT cho CBGV,NV	35.697.016	
1.2.1	50% chi cho công tác quản lý	17.848.508	Chi cho công tác thu, quản lý, chỉ đạo	17.848.508	
1.2.2	50% Giáo viên chủ nhiệm	17.848.508	Chi cho GVCN	17.848.508	
2	Tiền ăn (bao gồm chất đốt)	12.367.080.000		12.367.080.000	Hướng dẫn liên sở số

2.1	Tiền ăn	11.542.608.000	Mua thực phẩm cho HS	11.542.608.000	86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024
2.2	Chất đốt	824.472.000	Thanh toán tiền chất đốt	824.472.000	
3	Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú (mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân)	460.880.000	Hỗ trợ CSVC, điện nước với lớp học 2 buổi/ngày	460.880.000	Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024
3.1	Đối với (trẻ) học sinh mới tuyển hoặc trang bị lần đầu - Khối 1	160.200.000		160.200.000	
3.2	Khối 2,3,4,5	237.800.000		237.800.000	
4	Chăm sóc bán trú	2.698.110.000		2.698.110.000	Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024
4.1	90% Chi CBGV NV trực tiếp nấu ăn:	2.428.299.000		2.428.299.000	
4.1.1	38% Chi cho người trực tiếp nấu ăn	922.753.620	Chi cho GV,NV trực tiếp nấu ăn, chăm ăn, trông trưa	922.753.620	
4.1.2	44% chi cho CBGVNV trông trưa	1.068.451.560		1.068.451.560	
4.1.3	8% chi cho GVCN chăm ăn cho học sinh	194.263.920		194.263.920	
4.2	8% chi công tác QLCD	215.848.800	Chi cho công tác quản lý, chỉ đạo	215.848.800	
4.3	2% Nộp thuế theo quy định	53.962.200	Nộp thuế	53.962.200	
5	Quản lý trẻ/học sinh ngoài giờ hành chính (đầu giờ học và sau khi kết thúc buổi học khi cha mẹ học sinh, trẻ em có nhu cầu tối đa không quá 03 giờ/ngày	4.652.640.000	Chi quản lý học sinh ngoài giờ hành chính	4.652.640.000	Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024
5.1	88% Chi giáo viên trực tiếp làm nhiệm vụ	4.094.323.200		4.094.323.200	
5.2	10% Chi công tác quản lý	465.264.000		465.264.000	
5.3	2% nộp thuế theo quy định	93.052.800		93.052.800	
6	Dạy học 2 buổi/ngày đối với học sinh tiểu học (hỗ trợ mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, điện nước)	603.720.000	Chi mua sắm, sửa chữa CSVC, điện, nước	603.720.000	Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024

7	Tiếng Anh có yếu tố nước ngoài	2.671.200.000		2.671.200.000	Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024
7.1	80% nộp cho trung tâm	2.136.960.000	Chi cho trung tâm	2.136.960.000	
7.2	20% trích lại nhà trường	534.240.000	Trích lại nhà trường	534.240.000	
7.2.1	27% chi cho GVCN	144.244.800	Chi cho GVCN	144.244.800	
7.2.2	27% cho công tác quản lý chỉ đạo	144.244.800	Chi cho công tác QLCD	144.244.800	
7.2.3	44% chi công tác phúc lợi	235.065.600	Chi công tác phúc lợi	235.065.600	
7.2.4	2% nộp thuế theo quy định	10.684.800	Nộp thuế	10.684.800	
8	Kỹ năng sống	901.600.000		901.600.000	Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024
8.1	80% nộp cho trung tâm	721.280.000	Chi cho trung tâm	721.280.000	
8.2	20% trích lại nhà trường	180.320.000	Trích lại nhà trường	180.320.000	
8.2.1	50% Chi cho GVCN	90.160.000	Chi cho GVCN	90.160.000	
8.2.2	28% chi phúc lợi	50.489.600	Chi công tác phúc lợi	50.489.600	
8.2.3	20% Chi quản lý, chỉ đạo	36.064.000	Chi cho công tác QLCD	36.064.000	
8.2.4	2% Nộp thuế theo quy định	3.606.400	Nộp thuế	3.606.400	
9	Nước uống cho học sinh	215.460.000	Chi tiền nước uống cho học sinh	215.460.000	Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024
10	Trông xe đạp cho học sinh	89.100.000		89.100.000	Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024
10.1	10% Nộp thuế theo quy định	8.910.000	Nộp thuế	8.910.000	
10.2	70% Chi cho NV bảo vệ	62.370.000	Chi cho NV bảo vệ	62.370.000	
10.3	20% Chi mua vật tư, CCDC, CSVC phục vụ trông xe	17.820.000	Chi mua vật tư, CCDC, CSVC phục vụ trông xe	17.820.000	
	TỔNG	26.642.957.550		26.642.957.550	

III- Kế hoạch mua sắm, sửa chữa csvc, trang thiết bị năm 2024

1. Kế hoạch mua thiết bị đồ dùng chăm sóc bán trú

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Thành tiền	Ghi chú
1	Mua sắm đồ dùng bán trú cho học sinh: Khăn mặt, chăn, gối, ga...	82.000.000	
1,1	Mua khăn mặt: 2.300 chiếc x 10.000 đồng x2	46.000.000	2 lần/năm
1,2	Mua gối cho học sinh lớp 1: 450 c x 40.000	18.000.000	
1,3	Mua chăn cho học sinh: 40c x 250.000đ/c	10.000.000	
1,4	Mua ga cho học sinh: 40c x 200.000đ/c	8.000.000	
2	Mua đồ dùng ăn uống bán trú: khay ăn, thìa, bát, cốc uống nước cho HS	105.000.000	
2,1	Khay ăn có nắp: 1000c x 40.000đ	40.000.000	
2,2	Thìa: 1.000c x 15.000đ	15.000.000	
2,3	Bát đựng canh: 500c x 30.000/ cái	15.000.000	
2,4	Đĩa đựng thức ăn : 500c x 30.000đ	15.000.000	
2,5	Bát con 1.000c x 20.000đ	20.000.000	
3	Mua sắm dụng cụ phục vụ nấu ăn bán trú: Nồi, chảo, rổ rá, dao, thớt...	48.880.000	
4	Đồ dùng phục vụ sinh hoạt chăm nuôi bán trú, đồ vệ sinh: nước rửa bát, nước lau sàn, cây lau nhà ...	95.000.000	
5	Giặt chăn, ga, gối, khăn mặt cho học sinh	130.000.000	
	Tổng	460.880.000	

2. Kế hoạch mua sắm sửa chữa thiết bị, đồ dùng cho lớp học 2 buổi/ngày

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Thành tiền	Ghi chú
1	Hỗ trợ điện điện, nước phục vụ học 2 buổi/ ngày	90.000.000	
2	Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học 2 buổi/ngày: tivi, máy tính, loa máy tính, quạt, bảng, bàn ghế....	427.000.000	
a	Mua sắm bàn ghế: 150 bộ x 1.850.000	277.500.000	
b	Sửa chữa bàn ghế	40.000.000	
c	Mua ti vi: 4 cái	49.500.000	
d	Mua máy tính, sửa chữa máy tính, đồ mực máy in cho lớp học	60.000.000	
3	Sửa chữa các thiết bị điện nước ở lớp học, các thiết bị điện nước nhà vệ sinh HS, sửa chữa khóa cửa...	45.000.000	
4	Mua sắm thiết bị đồ dùng vệ sinh lớp học, vệ sinh nhà vệ sinh học sinh, hành lang lớp học	41.720.000	
	Tổng	603.720.000	

3. Kế hoạch mua sắm sửa chữa khác:

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Thành tiền	Nguồn kinh phí
1	Cổng trường, hệ thống tường bao phía trước.	700.000.000	Ngân sách
2	Thay mới toàn bộ mái tôn, cửa đại, cửa sổ dãy nhà lớp học (nhà C); Đục bỏ vôi vữa cũ sau đó trát bả sơn mới; ốp lát lại cầu thang.	1.200.000.000	Ngân sách
3	Bổ sung thiết bị phòng Tin học.	100.000.000	Ngân sách
4	Bàn ghế bán trú HS 150 bộ	277.500.000	Ngân sách
5	Màn hình LED	75.000.000	Ngân sách
6	Phòng học thông minh	491.000.000	Ngân sách
7	Sửa chữa hành lang tầng 1 dãy nhà A1	37.000.000	Ngân sách
8	Sửa chữa hệ thống điện khu vực nhà ăn bán trú	35.000.000	Ngân sách
9	Sửa chữa làm trần thạch cao, cửa lưới chống muỗi khu nhà ăn bán trú	73.000.000	Ngân sách
10	Sửa chữa ốp tường	17.000.000	Ngân sách
	Tổng cộng	3.005.500.000	

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng: để báo cáo
- Kế toán: để thực hiện
- Lưu VT

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH



Dương Minh Nguyệt

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Thúy Hải